

## Phân tích Tuyên ngôn Độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

### BÀI LÀM

Người đọc bản tuyên ngôn độc lập (cũng là tác giả) cất lời là vào ngay vấn đề, nhằm thẳng mục tiêu; xác định một chân lý, nghĩa là khẳng định một chủ quyền.

Nước Việt Nam là của người Việt Nam. Chân lý bao giờ cũng giản dị đối với người sáng suốt, có thiện chí muốn tiếp thu nó. Còn đối với những kẻ có tà tâm bị lợi lộc ích kỷ làm cho mù, cho điếc, không còn muốn thấy sự thật, muốn nghe lẽ phải thì rất khó tiếp thu. Phải giải thích. Tốt nhất là dựa vào những lý lẽ có uy thế từ lâu.

Đối tượng được nghe trước hết là một triệu đồng bào trong cuộc biểu tình, là hai mươi lăm triệu nhân dân cả nước đang hướng về Thủ đô Cách mạng... Tất nhiên chúng ta hiểu được nước ta là của ta. Ta hiểu từ lâu rồi, từ bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước. Ta đã khẳng định như thế nhiều lần, “Nam quốc sơn hà Nam đế cư” hoặc:

*“Nhu nước Đại Việt ta từ trước  
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu  
Núi sông bờ cõi đã chia  
Phong tục Bắc Nam cũng khác.”  
(Bình Ngô đại cáo)*

Nhưng trong hai mươi lăm triệu tất cũng có người còn ngỡ ngác bàng hoàng vì cuộc khởi nghĩa đã thắng lợi quá nhanh, chưa kịp tĩnh tâm để xóa được ngay những luận điệu xảo trá tung ra liên tục tám chục năm qua. Và, có hiểu rồi, nhắc lại cũng không sao. Có những sự thật nghe hàng nghìn lần vẫn thấy sáng khoái.

Mặt khác, đối tượng nghe đâu phải chỉ có Việt Nam.

Còn có “Đồng Minh”, có Mỹ, tên trùm tư bản quốc tế, đã trở thành tên đế quốc đầu sỏ sau đại chiến. Có Pháp đang hí hửng giờ vượt, nhe nanh. Hồ Chí Minh hôm nay, Nguyễn Ái Quốc hôm qua còn lạ gì bụng dạ chúng. Lấy

ngay lời nói của chính các bậc tiền bối của chúng, những lời tuyên bố trịnh trọng trong những hoàn cảnh lịch sử vĩ đại mà chúng không thể biết. Chúng cố tình quên thì nhắc lại. Nhắc lại những lời chí lý của những người Mỹ cách đây chỉ gần hai trăm năm cũng có hoàn cảnh bị áp bức, bị làm nhục như Việt Nam. Câu nói của tên thủ tướng Anh Uy – Liêm như còn văng vẳng bên tai: “Hễ Mỹ làm ra dù chỉ một sợi len, một miếng sắt móng ngựa là bản chức sẽ cho lính sang đóng đầy xứ ngay lập tức.”

Mười lăm năm sau bản Tuyên ngôn của Mỹ là bản Tuyên ngôn của Pháp, của những người Pháp không chịu được cái phải công trên lưng, đội trên đầu mấy chú quý tộc, mấy anh tăng lữ, không chịu được câu nói hồng hách vô nghĩa của mấy tên vua: “Trẫm muốn, ấy là pháp luật”.

Hồ Chủ tịch không chỉ lấy lại lời nói hay của người xưa mà còn giải thích, bình luận, khái quát, nâng lên một tầm vóc cao hơn, rộng hơn, mới hơn. Từ hạnh phúc cá nhân, người nâng lên vấn đề “quyền sống quyền sung sướng và quyền tự do” của các dân tộc. Không chỉ một cá nhân có quyền bình đẳng về quyền lợi với một cá nhân khác mà các dân tộc đều sinh ra bình đẳng với nhau về mọi mặt, nghĩa là một dân tộc dù nhỏ bé, dù thuộc chủng tộc da đen, da vàng cũng có quyền bình đẳng với một dân tộc lớn thuộc chủng tộc da trắng của nước tiên tiến nhất Âu, Mỹ. Cuộc tranh đấu ấy cũng là mục tiêu lớn, nội dung lớn của thời đại chúng ta, thời đại mở cửa đầu của Cách mạng tháng Mười, thời đại mà tính chất sẽ được khẳng định trong hội nghị 81 họp năm 1960 tại Ma-xơ-va. Thực tế cách mạng đã xác định tính thiên tài trong cách nhìn, cách nghĩ của vị lãnh tụ đã từng là đại biểu của các dân tộc thuộc địa và bên vực họ không biết mệt mỏi trong các hội nghị quốc tế.

Đoạn văn mở đầu hết sức gọn, súc tích. Hai câu trích bổ sung cho nhau. Một lời bình luận, một câu kết thúc, gói lại thật chặt, thật vững.

“Thế mà...”

Chỉ một lớp chuyển tiếp là đủ mở ra hết nội dung của đoạn sau. Nó như một tiếng thở dài uất hận, một lời phê phán nghiêm khắc những kẻ muối mặt, cố tình làm bậy. Và thế là Bản án chế độ thực dân Pháp đã từng được đưa ra trước tòa án lịch sử cách đây hai mươi năm lại được tóm tắt đưa ra lần nữa trước công luận Việt Nam và thế giới.

Vẫn là lập trường dân tộc rộng rãi của người viết, vẫn là lòng căm giận quân cướp nước thể hiện bằng những lời lẽ súc tích, danh thép. Những động từ, tính từ, trạng từ đều hết sức nặng để miêu tả bản chất bọn chúng (thẳng tay

chém giết, ràng buộc dư luận, cướp không ruộng đất, hàng trăm thứ thuế vô lý...) Vẫn lòng xót xa đối với đất nước lâm than ở tính trữ tình và câu văn giàu hình ảnh (khiến dân ta nghèo nàn thiếu thốn, nước ta xơ xác tiêu điều, chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong bể máu). Vẫn cái giọng châm biếm, đả kích sắc sảo, trí tuệ (thế là chẳng những chúng không “bảo hộ” được ta, trái lại trong năm năm, chúng bán nước ta hai lần cho Nhật).

Bản tuyên ngôn này chỉ khái quát hai loại tội ác về chính trị và kinh tế, đủ nhắc nhở đồng bào tăng cường cảnh giác và đề dùng làm một luận cứ cho lí lẽ của bản Tuyên ngôn: Pháp không có quyền nói đến chuyện “bảo hộ” Việt Nam.

Hết tội xa đến tội gần.

Bọn thực dân Pháp cũng như mọi kẻ áp bức, lúc còn quyền hành thì hống hách, hung bạo, lúc thất thế thì đê hèn, mất hết, mất hết liêm sỉ, giẫm lên nhân phẩm để bám lấy chút sống thừa. Quý gồi đầu hàng Nhật, chúng gây bao nhiêu tội ác. Đối với nhân dân Việt Nam mà chúng vẫn rêu rao được chúng “bảo hộ”, “khai hóa”, chúng quàng thêm một ách lên đầu. Kết quả thảm hại, cụ thể mà lịch sử Việt Nam và nhân loại ghi bằng chữ máu không thể phai mờ với thời gian là hai triệu người đã chết đói “chỉ riêng từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ”.

Đối với Đồng minh là phe của chúng, chúng phản bội, chúng biến Việt Minh là những người đứng về phe Đồng Minh thành kẻ thù chính, và “thăng tay khủng bố”.

Nhiều động từ miêu tả được dùng để vẽ lên hình ảnh thảm bại của chúng: quý gồi đầu hàng, mở cửa rước Nhật, bỏ chạy... Trong sự việc nêu ở câu cuối của đoạn văn mỗi chữ dùng, mỗi nét phác họa đều có ý nghĩa (thậm chí, nhấn tâm, giết nốt số đông tù chính trị...).

Đối lập với cái ti tiện, cái dã man của chúng là lượng hải hà, là những hành động văn minh của nhân dân ta. Cũng chỉ là những hiện tượng lịch sử. Nhưng đặt vào đây nó có tác dụng như một thủ pháp nghệ thuật làm nổi bật lên cái khác nhau về bản chất giữa ta và địch, khẳng định thêm về chất nhân đạo của dân ta. Đối với kẻ tay còn đầm máu Việt Nam, nhân dân và cách mạng Việt Nam vẫn giúp họ, cứu họ, bảo vệ họ. Ba động từ biểu hiện ba hình thái tương quan với kẻ thù, ba trạng thái cụ thể của lòng nhân đạo Việt Nam. Giúp là đối với kẻ còn chủ động, muốn vượt biên giới tránh cái họa của chủ nghĩa phát xít Nhật. Ta thêm cho họ một cái đẩy tay giúp họ vượt

được ranh giới giữa mong muốn và hiện thực. Cứu là đối với những kẻ bất lực, trong một tình thế nguy nan tuyệt vọng, những kẻ bị giam trong nhà tù Nhật, chỉ chờ ngày tận số... Ta phá cũi sổ lồng, cứu những con môi của thân chết. Bảo vệ là đối với những con người đang còn bị đe dọa. Ta cứu họ rồi lại còn tiếp tục bảo vệ, không chỉ tính mạng mà còn cả tài sản nữa. Cái chu đáo của lòng nhân đạo Việt Nam là như thế.

Vậy thì giữa những người Việt Nam như thế và những người Pháp như trên, ai bảo hộ ai? Và người Pháp có quyền gì đối với Việt Nam nữa không?

Việc tính sổ trên đã có thể giải đáp rõ ràng.

Thêm vào đó là một sự thực rành rành: từ tháng 9 - 1940 khi Nhật tràn qua Lạng Sơn vào Việt Nam, Pháp đã đầu hàng Nhật, đã bán chủ quyền nước ta cho Nhật. Về mặt pháp lý, một vật đã bán cho người khác tất thuộc quyền sở hữu của người đó. Và ta đã lấy lại vật ta đã mất từ tay Nhật. Như thế là về mọi mặt, dứt khoát Pháp không còn quan hệ gì với Việt Nam nữa. Bản tuyên ngôn có thể đồng dạng tuyên bố "thoát li hẳn quan hệ với Pháp".

Những từ, những ý lặp lại (Sự thật là mùa thu... Sự thật là dân ta...) những ý phủ định thêm vào song song tạ các vết để nhấn mạnh (của Nhật, chứ không phải của Pháp) như chồng chất thêm những tầng lớp cản, ngăn cách dứt khoát mọi thứ bất mồi ảo tưởng về chủ quyền của người Pháp trên đất Việt Nam. Những trạng từ dùng trong quan hệ với Pháp: thoát li hẳn, xóa bỏ hết, xóa bỏ tất cả, như những nhát gươm sắc chém ngọt vào sợi dây dợ còn dính dứ.

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời không phải là một sự thật ngẫu nhiên. Đó là bước phát triển của chủ nghĩa anh hùng Việt Nam vĩ đại. Chủ nghĩa anh hùng đó đã "đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ" bằng vô vàn những cuộc khởi nghĩa quật đổ những ngai vàng mà cuối cùng là của vương triều nhà Nguyễn mục nát. Bảo Đại buộc phải thoái vị để làm một người nông dân.

Chủ nghĩa anh hùng đó đã "đánh đổ các xiềng xích thực dân gần một trăm năm nay" bằng gươm súng, bằng máu xương của những Trương Định, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám và của những chiến sỹ vô sản bất khuất kiên cường.

"Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị". Một câu trong những câu hiếm của văn chương, cô đúc bao sự kiện lịch sử.

Cảnh về chiều của các tầng lớp thống trị thật buồn, mà những động tác gợn ra ở những diên viên lịch sử trên sân khấu Việt Nam thì thật ngoạn mục. Một kẻ chạy thực mạng đâm đầu xuống hố diệt vong. Một kẻ giơ tay nhận lấy phần đầu hàng. Một kẻ tụt từ trên ngai xuống, hai tay run rẩy nộp ấn, kiếm.

Động từ từ nhanh đến chậm. Nhịp câu văn từ nhanh, chậm lại, rồi ngừng như một chuyến tàu vét lịch sử lao từ xa tới, chậm lại để ngừng vĩnh viễn.

Ách thực dân, họa phát xít, tề quân quyền, những rác rưởi ấy bị quét sạch, dọn chỗ đón một quốc gia mới, một chế độ mới. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á ra đời.

Những lẽ phải không ai chống cãi được, những lẽ phải mà Đồng minh đã công nhận trong các văn kiện còn chưa ráo mực ở hội nghị quốc tế Tô-hê-ran và Cự Kim Sơn, những hành động gan góc mấy năm qua cũng nhằm mục tiêu như Đồng minh: tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, củng cố cái quyền tồn tại của nước Việt Nam mới.

Nhưng trên hết và cơ bản nhất là quyết tâm vững như bàn thạch của cả một dân tộc có bốn nghìn năm bất khuất nói lên qua tiếng nói của vị Chủ tịch đầu tiên của mình: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do độc lập".

Ba đoạn cuối của bản tuyên ngôn độc lập là những đoạn văn thép: chất thép của ý chí Hồ Chí Minh, của ý chí Việt Nam.

Chất thép trong lập luận buộc Đồng minh phải công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam, lấy lời của họ để ràng buộc họ. "Chúng tôi tin rằng...". Tin có ý nghĩa tu từ. Mềm đấy, mà rắn đấy. Tin là tỏ vẻ tôn trọng họ, giá định phẩm chất tốt đẹp của họ. Đó là cách buộc họ phải tự trọng, nghĩa là buộc họ không được có sự bất nhất giữa lời nói và việc làm, "Không thể không công nhận" quyền độc lập của dân tộc Việt Nam. "Không thể không" hai phủ định nghe vẫn chắc chắn hơn một khẳng định.

Chất thép trong câu tiếp ở cái kết luận tất yếu của một thứ tam đoạn luận độc đáo vì có một vẻ ẩn mà lại rất rõ. Một dân tộc không chịu khuất phục, đã liên tục chiến đấu chống mọi ách nô lệ Pháp cũng như Nhật, dân tộc đó phải được độc lập. Phe Đồng minh gồm toàn những nước tự do. Một nước đứng về phe Đồng minh, cùng lí tưởng, cùng chiến đấu. Nước đó phải được tự do. Dân tộc đó là dân tộc Việt Nam. Vậy dân tộc Việt Nam phải được độc lập, nước Việt Nam phải được tự do.

Dân tộc, tự do, độc lập. Những từ thiêng liêng đó trở lại cùng với những tính từ gan góc, những trạng ngữ: 80 năm nay, mấy năm nay, những khẳng định: phải được nhưng hùng dũng gõ nhịp trong một điệp khúc của một bài hùng ca đòi quyền sống.

Chất thép trong đoạn cuối cùng là ở tính chất trịnh trọng của bản tuyên bố về một sự thực, về quyết tâm bảo vệ bằng bất cứ giá nào sự thực đó. "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập...Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy". Mỗi từ, mỗi từ đều có sức nặng và sau đó những lời thề thiêng liêng thét lên từ cửa miệng của một triệu người, trên cái âm vang của làn sóng bốn nghìn năm bất khuất càng thêm vững chắc. Bản tuyên ngôn kết thúc dứt khoát ngoan cường như một lời thách thức. Những kẻ thù của Việt nam mù quáng vì lòng tham, không đủ khôn ngoan sáng suốt lần lượt lao đầu vào chất thép Việt Nam và sẽ nghiệm thấy thấm thía cái ghê gớm trong lời cảnh báo của một Hồ Chí Minh, của một Việt Nam dân chủ cộng hòa.

*(Lược trích GV Nguyễn Trác)*

## Phân tích tác phẩm Tuyên ngôn độc lập

### I. MB :

HCM ( 1890-1969) không chỉ là nhà cách mạng vĩ đại , anh hùng cứu quốc mà còn là một nhà văn lớn của dân tộc .Người đã để lại một di sản văn học với khối lượng đồ sộ , trong đó tác phẩm chính luận “ Tuyên ngôn độc lập” được coi là áng văn bất hủ , kết tinh những tư tưởng , tài năng , tâm hồn HCM.Tác phẩm là một văn kiện chính trị , có giá trị lịch sử lớn lao , có giá trị pháp lý , giá trị tư tưởng , giá trị nghệ thuật và giàu giá trị nhân văn , đã trang trọng tuyên bố về nền độc lập của dân tộc Việt Nam trước nhân dân trong nước và thế giới .

### II.TB :

#### 1. Phân tích hoàn cảnh , đối tượng , mục đích bố cục của TN



TNĐL được đọc tại quảng trường Ba Đình ngày 2/9 năm 1945 . Khi đó , ở miền Nam nước ta , thực dân Pháp nấp sau quân đội Anh thay mặt đồng minh vào giải giáp quân Nhật đang tiến vào Đông Dương . Miền Bắc , bon tàu tướng , tay sai của đế quốc Mỹ đã trực sẵn ở biên giới . Trong nước , bọn phản động tìm cách ngóc đầu dậy hòng lật đổ chính quyền cách mạng non trẻ . Cục diện thế giới có thể khiến Anh-Mỹ nhân nhượng cho Pháp trở lại Đông Dương. Hội nghị các nước thắng trận trong chiến tranh TG II họp tại Tê hê răng và San Phran- xít- cô kết luận: các nước thắng trận được trở lại cai trị các thuộc địa cũ ; các nước là thuộc địa của phe phát xít thì được trao quyền tự trị . Pháp thì đang tung dư luận quốc tế rằng ĐĐ vốn là thuộc địa của Pháp , Pháp đã có công khai hoá , bảo hộ , nay trở lại là lẽ đương nhiên .

Trước hoàn cảnh lịch sử đặc biệt như vậy , bản TN của Bác có mục đích rõ ràng là tuyên bố nền ĐL TD của dân tộc VN , tuyên bố chấm dứt xoá bỏ mọi quan hệ thuộc địa với tđ Pháp , tuyên bố sự sụp đổ của chế độ phong kiến , tuyên bố sự ra đời của một chế độ mới , chế độ DC CH và đập tan mọi luận điệu xảo trá của TD Pháp . Đối tượng bản TN hướng đến không chỉ là toàn thể nhân dân VN mà còn là toàn thế giới , đặc biệt là nhằm vào những thế lực đang nhắm nhe cướp nước ta , can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta . Bản TNĐL có bố cục , kết cấu vô cùng chặt chẽ , mạch lạc , rõ ràng , cân đối . Phần đầu tác phẩm , Bác nêu cơ sở pháp lý , chính nghĩa cho lời tuyên ngôn . Phần hai , Bác trình bày cơ sở thực tiễn bằng cách tố cáo , vạch trần tội ác của thực dân Pháp và khẳng định sự xứng đáng hưởng độc lập của dân tộc Việt Nam . Phần ba là lời tuyên ngôn và những tuyên bố về ý chí bảo vệ nền độc lập tự do của dân tộc ta .

## 2. Phân tích phần mở đầu .

Mở đầu bản TN , Bác đã khéo léo và kiên quyết trích dẫn hai bản TN nổi tiếng của CM Mỹ 1776 và CM Pháp 1791 làm tiền đề , cơ sở pháp lý , chính nghĩa cho lời TNĐL của CM VN . Đó là : “ Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng .Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được ; trong những quyền ấy , có quyền được sống , quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc” ; và “ Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi ; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi” .Bác còn khẳng định mạnh mẽ “ Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được” . Thật vậy , những lời trích dẫn trên là những lẽ phải , là nguyên lí phổ quát , là chân lí được cả thế giới công nhận , là thành tựu lớn của tư tưởng nhân loại , là lí tưởng theo đuổi hết sức cao đẹp của nhiều dân tộc . Bác trích dẫn những lời trên một mặt thể hiện sự đề cao tư tưởng nhân đạo , văn minh nhân loại , tỏ

sự tôn trọng với những thành quả của hai cuộc cách mạng giải phóng dân tộc Mỹ và cuộc cách mạng tư sản Pháp . Mặt khác , Bác đã rất khôn khéo , kiên quyết vận dụng chính những lời của tổ tiên người Mỹ , người Pháp-những thế lực đang lăm le tiến vào Đông Dương- để khoá miệng những luận điệu bịp bợm , đề nhắc nhở con cháu họ đừng phản bội cha ông mà xâm lược , can thiệp vào nước ta . Đây chính là chiêu “ gậy ông đập lưng ông” sắc sảo của Chủ tịch Hồ Chí Minh . Đồng thời , khi trích dẫn lời hai bản tuyên ngôn , Hồ Chí Minh đã đặt ba bản TN ngang hàng nhau , ba cuộc cách mạng ngang hàng nhau , ba nền độc lập ngang hàng nhau , đưa dân tộc ta bước lên vũ đài chính trị thế giới và ngăm thế hiện niềm tự hào , tự tôn dân tộc .

Không chỉ trích dẫn nguyên văn lời hai bản TN nổi tiếng thế giới mà Bác còn mở rộng vấn đề : “ Suy rộng ra , câu ấy có nghĩa là : tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng , dân tộc nào cũng có quyền sống , quyền sung sướng và quyền tự do” . Lời suy rộng này đã nâng quyền con người lên thành quyền dân tộc, chính là một sáng tạo to lớn về tư tưởng , tạo tiền đề cơ sở vững chắc cho phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới . Qua đó ta thấy được khát vọng độc lập cháy bỏng và tầm tư tưởng lớn lao của Bác. Như vậy , với lời lẽ sắc bén , đanh thép , Hồ Chí Minh đã đã xác lập cơ sở pháp lý chính nghĩa cho bản TN , nêu cao chính nghĩa và đặt ra vấn đề cốt yếu là độc lập dân tộc .

### **3.Phân tích cơ sở thực tiễn của bản tuyên ngôn .**

Tiếp theo , Bác đã trình bày những cơ sở thực tiễn của lời tuyên ngôn độc lập . Bác đã tố cáo tội ác của thực dân Pháp trong hơn 80 năm đô hộ nước ta : chúng đã lợi dụng lá cờ tự do bình đẳng bác ái để cướp nước ta , áp bức đồng bào ta , trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa . Bác đã đưa những chứng cứ cụ thể không thể chối cãi về tội ác của thực dân Pháp .Về chính trị , chúng không cho dân ta một chút tự do dân chủ nào , dùng chính sách chia để trị hòng chia rẽ khối đoàn kết dân tộc ta , chúng khủng bố dã man phong trào cách mạng, chúng thẳng tay chém giết những người Việt Nam yêu nước , chúng “ tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu”.Về văn hoá , chúng thi hành chính sách ngu dân , lập nhiều nhà tù hơn trường học , đầu độc , làm suy nhược giống nòi ta . Về kinh tế , chúng bóc lột dân ta đến tận xương tuỷ , đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý , không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên ...Những tội ác đó dẫn đến hậu quả xã hội là dân ta trở nên bần cùng , cực khổ , nghèo nàn và hơn hai triệu đồng bào ta đã bị chết đói cuối năm 1944 đầu năm 1945. Đây đều là những chứng cứ có thực không thể chối cãi , đã lật tẩy luận điệu “khai hoá , bác ái , bình đẳng” của thực dân Pháp .Trong năm năm từ 1940-1945 , Pháp đã bán nước ta hai lần cho Nhật ,



đã phản bội lại đồng minh , không đáp ứng liên minh cùng Việt Minh để chống Nhật . Tư thế của chúng vô cùng nhục nhã hèn hạ là “quỳ gối đầu hàng” . Không những vậy chúng còn nhân tâm, dã man , trên đường rút chạy còn giết nốt số tù chính trị ở Yên Bái , Cao Bằng . Bác đã bóc trần luận điệu “bảo hộ” của thực dân Pháp . Đoạn văn có giá trị của bản cáo trạng đánh thép với lời lẽ sục sôi , căn hờn , phẫn nộ , là lời khai tử dứt khoát cho cái sứ mệnh bịp bợm của thực dân Pháp đối với nước ta ngót gần thế kỉ .

Trái ngược với thực dân Pháp , nhân dân Việt Nam , dân tộc Việt Nam hoàn toàn xứng đáng hưởng tự do độc lập . Bản tuyên ngôn đã hùng hồn khẳng định dân tộc Việt Nam đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp trên 80 năm , nghĩa là đã làm công việc tương tự nhiệm vụ của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc Mĩ 1776 ; đã gan góc đứng về phe đồng minh chống phát xít mấy năm , góp phần vào công cuộc bảo vệ nền hoà bình thế giới chống lại những thế lực phản văn minh , phản nhân đạo ; đã lật đổ được chế độ phong kiến mấy mươi thế kỉ lập nên chế độ mới dân chủ cộng hoà , nghĩa là đã làm nhiệm vụ giống với cuộc cách mạng tư sản Pháp 1791 . Đồng thời , nhân dân ta lại vô cùng khoan hồng độ lượng , giúp đỡ nhiều binh lính Pháp ra khỏi nhà giam Nhật , bảo vệ tính mạng , tài sản cho họ , giúp họ chạy thoát qua biên thùy . Tư thế của dân tộc Việt Nam vô cùng cao đẹp , anh hùng , dũng cảm . Hơn nữa , bản Tuyên ngôn cũng đồng dục khẳng định dân tộc ta giành độc lập từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp . Nước ta đã bị Pháp bán cho Nhật , nước ta là thuộc địa của Nhật chứ không phải của Pháp , vì vậy , sau chiến tranh thế giới II, đương nhiên nước ta phải được trao quyền độc lập theo quyết định của các nước đồng minh thắng trận họp tại Cựu Kim Sơn và Tê-hê-răng . Bác đã nêu cơ sở trên bằng phương pháp biện luận chặt chẽ , lôgic, từ ngữ sắc sảo . Đoạn văn có nhiều cấu trúc câu đặc biệt , nhịp điệu dồn dập , điệp ngữ “ sự thật” được nhắc lại như chân lý không chối cãi được ; lời văn biền ngẫu rất nhịp nhàng , hùng hồn .

Từ những cơ sở thực tiễn trên , bản [Tuyên ngôn](#) đã phủ định chế độ thuộc địa thực dân Pháp và khẳng định quyền độc lập , tự do của dân tộc Việt Nam . Bác đã phủ định dứt khoát , triệt để mọi đặc quyền đặc lợi của thực dân Pháp đối với đất nước Việt Nam bằng những cụm từ có tính tuyệt đối “ thoát li hẳn” , “ xoá bỏ hết” , “ xoá bỏ tất cả” . Lời khẳng định quyền độc lập dân tộc thì rất mạnh mẽ , tuyệt đối với hệ thống câu móc xích “ Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay , một dân tộc đã gan góc đứng về phe đồng minh chống phát xít mấy năm nay , dân tộc đó phải được tự do ! Dân tộc đó phải được độc lập !” . Đây là những lời kết luận hợp lý , có cơ sở chắc chắn , đáp ứng lòng mong mỏi của dân tộc Việt Nam . Từ đó bản tuyên ngôn kêu gọi toàn dân Việt Nam đoàn kết chống thực dân Pháp ;

kêu gọi thế giới công nhận quyền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam .

#### 4. Phân tích lời tuyên ngôn.

Lời tuyên ngôn tuyên bố độc lập cuối tác phẩm rất dứt khoát triệt để : “ Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập .Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng , tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do , độc lập ấy”. Lời tuyên bố thể hiện lí lẽ đanh thép vững vàng của Hồ Chủ Tịch về quyền độc lập tự do trên cơ sở lí luận pháp lý , thực tế và bằng ý chí mãnh liệt của dân tộc .

### III.KB

- Như vậy , với tư duy sâu sắc , lập luận chặt chẽ , ngôn ngữ chính xác , dẫn chứng cụ thể , đầy sức thuyết phục , bản Tuyên ngôn độc lập là văn kiện lịch sử tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới về việc chấm dứt chế độ thực dân phong kiến ở nước ta , đánh dấu kỉ nguyên độc lập , tự do của nước Việt Nam mới .Tác phẩm là áng văn chính luận mẫu mực , bộc lộ tình cảm yêu nước thương dân , khát vọng độc lập tự do cháy bỏng của tác giả và toàn dân tộc .TNĐL là áng văn bất hủ của nền văn học dân tộc .

(Sưu tầm) .

### TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP – HỒ CHÍ MINH NGUYỄN ĐĂNG MẠNH

Như đã nói, Bác Hồ có một quan điểm sáng tác hết sức nhất quán: trước hết Người xác định đối tượng viết (viết cho ai?) và mục đích viết (viết để làm gì?). Từ đó mới quyết định nội dung (viết cái gì?) và hình thức (viết thế nào?) của tác phẩm.

Nhưng nắm được quan điểm sáng tác của Người chưa đủ, còn cần phải hiểu đặc điểm về mặt thể loại của mỗi tác phẩm của Người nữa. Văn chính luận hay văn thẩm mỹ, thơ tuyên truyền hay thơ nghệ thuật, không phân biệt được điều đó, sự đánh giá không tránh khỏi hồ đồ. Ngoài ra còn phải biết được phong cách viết của Bác nữa. Nét nổi bật của phong cách văn xuôi Bác Hồ

là giản dị, trong sáng, ngắn gọn, súc tích.

Chúng ta hãy vận dụng những hiểu biết nói trên vào việc phân tích bản Tuyên ngôn Độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tuyên ngôn Độc lập là một bài văn chính luận. Văn chính luận thuyết phục người khác bằng những lí lẽ, nếu đánh địch thì cũng đánh địch bằng những lí lẽ. Lợi khí của nó là những lí lẽ đanh thép, những lập luận chặt chẽ, những bằng chứng không ai chối cãi được. Văn chính luận nếu có dùng đến hình ảnh, có gọi đến tình cảm thì chẳng qua cũng chỉ để phụ giúp thêm cho sự thuyết phục bằng lí lẽ mà thôi. Chúng ta sẽ nói đến cái hay, cái tài của Tuyên ngôn Độc lập theo quan niệm đó.

Bản Tuyên ngôn Độc lập viết cho ai? Câu hỏi đặt ra có vẻ như thừa, bởi vì lời giải đáp đã có sẵn trong văn bản:

“Hỡi đồng bào cả nước,”

“..., chúng tôi, (...), trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng...”

Như vậy Bác Hồ viết cho đồng bào cả nước và nhân dân thế giới chứ còn cho ai nữa!

Còn viết để làm gì? Thì viết để “Tuyên ngôn Độc lập” chứ còn mục đích nào khác!

Thực ra vấn đề không hẳn chỉ có thế. Nếu chỉ viết cho đồng bào và thế giới chung chung thì chắc Người không dùng đến lắm lí lẽ như vậy, và chưa hẳn đã cần phải mở đầu bằng những câu trích trong hai bản Tuyên ngôn Độc lập, Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Mỹ, Pháp từ thế kỉ XVIII.

Vậy đối tượng và mục đích của văn kiện lịch sử này phải được tìm hiểu cặn kẽ hơn nữa. Cần thấy rằng khi Bác Hồ đọc bản Tuyên ngôn thì ở phía Nam, thực dân Pháp núp sau lưng quân đội Anh (thay mặt Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật) đang tiến vào Đông Dương, còn ở phía Bắc thì bọn Tàu Tưởng, tay sai của đế quốc Mỹ, đã chực sẵn ở biên giới. Người viết Tuyên ngôn cũng thừa hiểu rằng “mâu thuẫn giữa Anh – Pháp – Mỹ và Liên Xô có thể làm cho Anh, Mỹ nhân nhượng với Pháp và để cho Pháp trở lại Đông Dương”. Và tên thực dân này, để chuẩn bị cho cuộc xâm lược thứ hai của mình, đã tung ra trong dư luận quốc tế những lí lẽ “hùng hồn” của bọn ăn cướp: Đông Dương vốn là thuộc địa của Pháp, Pháp có công khai hoá đất nước này, nay trở lại là lẽ đương nhiên, khi phát xít Nhật đã bị Đồng minh đánh bại.

Như vậy là bản Tuyên ngôn Độc lập không chỉ đọc trước đồng bào và một thế giới trừu tượng, cũng không phải chỉ để tuyên bố độc lập một cách đơn giản. Đối tượng “thế giới” ở đây, trước hết là bọn đế quốc Mĩ, Anh, Pháp và sự khẳng định quyền tự do, độc lập của dân tộc ở đây đồng thời còn là một cuộc tranh luận nhằm bác bỏ lí lẽ của bọn xâm lược trước dư luận thế giới.

Trong tranh luận, để bác bỏ luận điệu của một đối thủ nào đấy, không gì thú vị và đích đáng hơn là dùng chính lí lẽ của đối thủ ấy. Người ta gọi cách làm đó là “lấy gậy ông đập lưng ông”.

Bác Hồ đã khẳng định quyền độc lập, tự do của dân tộc ta bằng chính những lời lẽ của tổ tiên người Mĩ, người Pháp đã ghi trong hai bản Tuyên ngôn độc lập, Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền từng làm vẻ vang cho truyền thống tư tưởng và văn hoá của những dân tộc ấy. Cách nói, cách viết như thế là vừa khéo léo vừa kiên quyết. Khéo léo, vì tỏ ra rất tôn trọng những danh ngôn bất hủ của người Pháp, người Mĩ. Kiên quyết vì nhắc nhở họ đừng phản bội tổ tiên mình, đừng có làm vấy bùn lên lá cờ nhân đạo của những cuộc cách mạng vĩ đại của nước Pháp, nước Mĩ, nếu nhất định tiến quân xâm lược Việt Nam.

Ngoài ra, mở đầu Tuyên ngôn độc lập của Việt Nam mà nhắc đến hai bản Tuyên ngôn nổi tiếng trong lịch sử nhân loại của hai nước lớn như thế, thì cũng có nghĩa là đặt ba cuộc cách mạng ngang hàng nhau, ba nền độc lập ngang hàng nhau. Một cách kín đáo hơn, bản Tuyên ngôn của Hồ Chí Minh dường như muốn gợi lại niềm tự hào của tác giả bài Bình Ngô đại cáo ngày xưa khi mở đầu tác phẩm bằng hai vế cân xứng như để đặt ngang hàng Triệu, Đinh, Lí, Trần của Nam quốc với Hán, Đường, Tống, Nguyên của Bắc quốc.

Mà đằng đối, cân xứng cũng là phải, vì cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 thực ra đã giải quyết đúng những nhiệm vụ của hai cuộc cách mạng của Mĩ (1776) và của Pháp (1789). Bản Tuyên ngôn đã nêu rõ: “Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập”. Đó cũng là yêu cầu đặt ra cho cuộc cách mạng nước Mĩ: đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa Bắc Mĩ ra khỏi ách thực dân Anh. Bản Tuyên ngôn cũng biết: “Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa”. Đây cũng là tinh thần cơ bản của cuộc Cách mạng Nhân quyền, Dân quyền của Pháp thế kỉ XVIII.

Nhưng để đối thoại với bọn đế quốc xâm lược lúc bấy giờ, vấn đề hàng đầu đặt ra là độc lập dân tộc. Điều đó giải thích vì sao bản Tuyên ngôn Độc lập

đã mở đầu như thế:

“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.

Lời bắt hủ ấy ở trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”.

Ý kiến “suy rộng ra” ấy quả là một đóng góp đầy ý nghĩa của Bác Hồ đối với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Một nhà văn hoá nước ngoài đã viết: “Công hiến nổi tiếng của cụ Hồ Chí Minh là ở chỗ Người đã phát triển quyền lợi của con người thành quyền lợi của dân tộc. Như vậy tất cả mọi dân tộc đều có quyền tự quyết định lấy vận mệnh của mình”. Vậy có thể xem cái luận điểm “suy rộng ra” kia là phát súng lệnh khởi đầu cho bão táp cách mạng ở các thuộc địa sẽ làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân trên khắp thế giới vào nửa sau thế kỉ XX?

Nhưng kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm nhất đe dọa nền độc lập của dân tộc khi bản Tuyên ngôn ra đời là bọn xâm lược Pháp. Đây là nguy cơ ấy sẽ phải là cuộc chiến đấu vũ trang lâu dài của toàn dân. Nhưng cuộc chiến đấu ấy rất cần đến sự đồng tình và ủng hộ của nhân loại tiến bộ. Muốn vậy, phải xác lập cơ sở pháp lí của cuộc kháng chiến, phải nêu cao chính nghĩa của ta và đập tan những luận điệu xảo trá của bọn thực dân muốn “hợp pháp hóa” cuộc xâm lược của chúng trước dư luận quốc tế.

Bản Tuyên ngôn đã giải quyết được yêu cầu ấy bằng một hệ thống lập luận hết sức chặt chẽ và đanh thép.

Thực dân Pháp muốn khoe khoang công lao khai hóa của chúng đối với Đông Dương ư? Thì bản Tuyên ngôn đã vạch trần những hành động “trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa” của chúng trong 80 năm thống trị nước ta: thủ tiêu mọi quyền tự do dân chủ, chia rẽ ba kì, tẩm máu các phong trào yêu nước và cách mạng, thi hành chính sách ngu dân; đầu độc bằng thuốc phiện, rượu cần, bóc lột, vơ vét đến tận xương tủy, cuối cùng, gây ra nạn đói khiến “từ Quảng Trị đến Bắc Kì, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói”.

Thực dân Pháp muốn kể công “bảo hộ” Đông Dương ư? Thì bản Tuyên ngôn chỉ rõ đó không phải là công mà là tội, vì “trong 5 năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật”.

Thực dân Pháp tuyên bố Đông Dương là thuộc địa của chúng và chúng có quyền trở lại Đông Dương ư? Nhưng Đông Dương có còn là thuộc địa của Pháp nữa đâu! Bản Tuyên ngôn vạch rõ: “Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp”. Luận điểm này, đứng về ý nghĩa pháp lí, cực kì quan trọng. Nó sẽ dẫn tới lời tuyên bố tiếp theo của bản Tuyên ngôn:

“Bởi thế cho nên, chúng tôi, Lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới, đại biểu của toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát li hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xoá bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã kí về nước Việt Nam, xoá bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam”. Sức mạnh của chính nghĩa bao giờ cũng đồng thời là sức mạnh của sự thật. Và không có lí lẽ nào có sức thuyết phục cao hơn là lí lẽ của sự thật. Vì thế, Người viết Tuyên ngôn luôn luôn lấy đi lấy lại hai chữ “sự thật”: “sự thật là...”, “sự thật là...”. Và cuối cùng thì “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập...”. Đây là những điệp khúc nối tiếp nhau tăng thêm âm hưởng hùng biện của Tuyên ngôn. Đây là hệ thống lí lẽ bác bỏ luận điệu của bọn đế quốc thực dân.

Còn đối với dân tộc Việt Nam? Dân tộc ta có xứng đáng được hưởng độc lập, tự do hay không, có đủ tư cách làm chủ đất nước mình hay không? Bản Tuyên ngôn đã đưa ra những lí lẽ để khẳng định.

Nếu thực dân Pháp có tội phản bội Đồng minh, hai lần bán rẻ Đông Dương cho Nhật, thì dân tộc Việt Nam đại diện là Việt Minh, đã đứng lên chống Nhật cứu nước và cuối cùng giành được chủ quyền từ tay phát xít Nhật. Nếu thực dân Pháp bộc lộ tính chất đê hèn, tàn bạo và phản động của chúng ở hành động “thăng tay khủng bố Việt Minh”, “Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng”, thì nhân dân ta vẫn giữ thái độ khoan hồng và nhân đạo ngay đối với kẻ thù đã thất thế: “Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thùy, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ”.

Một dân tộc phải chịu biết bao đau khổ dưới ách thực dân tàn bạo, đã anh dũng chiến đấu cho độc lập, tự do, đã đứng hẳn về phe Đồng minh chống phát xít, đã nêu cao tinh thần nhân đạo, bác ái như thế, “dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”.



Tinh thần khẳng định, trong lời kết luận, còn được tăng cấp lên một bậc nữa: hưởng độc lập tự do không phải chỉ là một cái quyền phải có, không phải chỉ là một tư cách cần có, mà đó đã là một hiện thực: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập”. Và vì thế “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”.

Người ta gọi bài Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi là “thiên cổ hùng văn”. Cũng có thể nói như thế về bản Tuyên ngôn Độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tất nhiên bản Tuyên ngôn không ra đời trong thời kì văn học còn nguyên hợp, văn sử bất phân nữa, để tác giả đưa vào bài chính luận của mình những hình tượng hào hùng, tầng tầng lớp lớp như bài Cáo của người xưa. Ngày nay văn chính luận là văn chính luận. Tài nghệ của người viết ở đây là dàn dựng được một lập luận chặt chẽ, đưa ra được những luận điểm, những bằng chứng không ai chối cãi được. Và đằng sau những lí lẽ ấy là một tầm tư tưởng, tầm văn hoá lớn, đã tổng kết được trong một văn bản ngắn gọn, trong sáng, khúc chiết, kinh nghiệm của nhiều thế kỉ đấu tranh vì độc lập, tự do, vì nhân quyền, dân quyền của dân tộc và của nhân loại. Chính Bác Hồ tự đánh giá đây là một thành công thứ ba khiến Người cảm “thấy sung sướng” trong cả cuộc đời viết văn, làm báo dày kinh nghiệm của mình.

*In trong Phân tích bình giảng tác phẩm văn học 12, Nxb GD, 2003.*